

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/DS-PT

Ngày: 25- 01-2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản; Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Sơn
Các Thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Linh
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 107/2021/TLPT-DS ngày 14 tháng 6 năm 2021; tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2021/DS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2021, của Tòa án nhân dân huyện PT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:133/2021/QĐPT-DS ngày 21 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn:

1.1. Ông Bùi Tấn T, sinh năm 1982

1.2. Bà Huỳnh Thị Q, sinh năm 1982

Cùng cư trú: ấp BT1, xã PB, huyện PT, tỉnh An Giang.

2. Đồng bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Tiến G, sinh năm 1968

2.2. Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1966

Cùng cư trú: ấp BT1, xã PB, huyện PT, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông G, bà Th có ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1983, cư trú địa chỉ: ấp HT, xã ĐHC, huyện CP, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 23/11/2020).

Người kháng cáo: Ông G, bà Th là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

- Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn ông Bùi Tấn T, bà Huỳnh Thị Q cùng trình bày: Do có mối quen hệ chị em (bà Th là chị ruột của anh T), nên vào năm 2014 ông G, bà Th thỏa thuận cổ diện tích 2.640m² đất nông nghiệp với số vàng là 20 chỉ vàng 24k, thời hạn cổ là 2 năm, đến hạn chuộc ông G, bà Th không chuộc, vợ chồng anh chị canh tác tiếp đến ngày 07/9/2018, vợ chồng ông G, bà Th thỏa thuận chuyển nhượng diện tích đất nông nghiệp nói trên với số tiền 185.000.000 đồng, do lúc đó gia đình của anh chị không có tiền nên đưa thêm 10 chỉ vàng 24k, hai bên thỏa thuận làm giấy tính luôn vàng cổ, anh chị đưa trước 30 chỉ vàng 24k, khi nào làm giấy tờ xong quy đổi vàng còn thiếu bao nhiêu sẽ đưa đủ, nên hai bên mới làm giấy tay chuyển nhượng, khi làm giấy, làm tại nhà của anh chị có cha ruột là ông Bùi Văn H chứng kiến, giấy này do ông G, bà Th ký tên và anh chị canh tác từ lúc cổ cho đến nay. Ngoài ra trong thời gian cổ đất này vợ chồng ông G, bà Th có vay của anh, chị nhiều lần rồi trả, còn nợ lại 76.100.000 đồng, lãi thỏa thuận 1,5%/tháng, đến nay chưa thanh toán số tiền trên.

Nay, yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Tiến G và bà Bùi Thị Th thực hiện hợp đồng chuyển nhượng ngày 07/9/2018, anh chị đã đưa trước 30 chỉ vàng 24kara, quy đổi thành tiền còn bao nhiêu anh chị trả thêm cho đủ số tiền 185.000.000 đồng như thỏa thuận và yêu cầu ông G, bà Th trả số tiền vay còn nợ là 76.100.000 đồng và yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2020/QĐ-KCTT, ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện PT.

- Ông Nguyễn Văn U đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Tiến G, bà Bùi Thị Th trình bày: Vào năm 2015, vợ chồng ông G, bà Th có cổ cho vợ chồng em ruột là Bùi Tấn T và Huỳnh Thị Q diện tích 2.640m² với số vàng 20 chỉ vàng 24kara, thời hạn cổ là khi nào vợ chồng ông G bà Th trả 20 chỉ vàng 24kara cho ông T bà Q thì ông T, bà Q giao lại diện tích đất nói trên cho ông G bà Th.

Do khó khăn trong làm ăn nên vợ chồng ông G và bà Th có yêu cầu ông T, bà Q đưa thêm 10 chỉ vàng 24kara vàng cổ đất, tổng cộng là 30 chỉ vàng 24kara. Giao ước khi nào ông G, bà Th trả 30 chỉ vàng 24kara cho ông T, bà Q thì ông T, bà Q trả lại diện tích đất trên cho ông G, bà Th. Trong khi nhận 10 chỉ vàng lần 2 thì ông T, bà Q có viết sẵn một tấm giấy, yêu cầu vợ chồng ông G bà Th ký tên mà không đọc nội dung, ông T, bà Q nói nội dung tờ giấy là anh chị ký nhận thêm 10 chỉ vàng nữa tổng cộng là 30 chỉ vàng, khi nào anh chị có đủ 30 chỉ vàng trả lại thì vợ chồng em trả lại cho anh chị diện tích đất đã cầm cổ.

Ngoài ra, ông G, bà Th không có vay tiền gì của vợ chồng Bùi Tấn T và Huỳnh Thị Q nên không đồng ý trả số tiền 76.100.000 đồng theo yêu cầu của vợ chồng anh T, chị Q. Nay ông G bà Th yêu cầu ông T bà Q trả lại diện tích đất 2.640m² cho ông G bà Th, ông G, bà Th sẽ trả lại 30 chỉ vàng 24kara cho ông T, bà Q.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2021/DS-ST ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện PT đã xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tấn T, bà Huỳnh Thị Q đối với ông Nguyễn Tiến G, bà Bùi Thị Th về “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/9/2018 giữa ông Bùi Tấn T và bà Huỳnh Thị Q với ông Nguyễn Tiến G và bà Bùi Thị Th ,diện tích 2.640m², thửa số 152,tờ bản đồ số 44, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02947, cấp ngày 30/6/2014, đất tọa lạc xã PB, huyện PT, tỉnh An Giang, do ông G, bà Th đứng tên, theo sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện PT lập ngày 14/12/2020.

Ông Bùi Tấn T và bà Huỳnh Thị Q phải đến cơ quan có thẩm quyền kê khai lại diện tích đất nói trên theo quy định của pháp luật, ông Nguyễn Tiến G và bà Bùi Thị Th phải nộp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh việc quản lý sử dụng đất theo quy định pháp luật.

- Ông Bùi Tấn T và bà Huỳnh Thị Q phải trả cho ông Nguyễn Tiến G và bà Bùi Thị Th tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên còn lại là 26.000.000đ (hai mươi sáu triệu đồng).

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tấn T và bà Huỳnh Thị Q đòi tiền vay 76.100.000đ đối với ông Nguyễn Tiến G và bà Bùi Thị Th.

- Duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2020/QĐ-BPKCTT ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện PT đối với tài sản của ông Nguyễn Tiến G và bà Bùi Thị Th đến khi thi hành án xong.

- Hoàn trả tiền thực hiện biện pháp bảo đảm cho ông Bùi Tấn T số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) theo biên lai thu ngày 08/9/2020 của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện PT khi bản án có hiệu lực.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 19/04/2021, ông Nguyễn Văn U đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn G, bà Bùi Thị Th kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận hủy hoặc sửa bản án sơ thẩm;

Diễn biến tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn kháng cáo chỉ yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng lập ngày 07/9/2018; Hội đồng xét xử cố gắng động viên các đương sự thỏa thuận

với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không đạt được; các đương sự cam kết không cung cấp chứng mới tại giai đoạn phúc thẩm.

Nguyên đơn phát biểu ý kiến: Nếu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thì bị đơn phải trả lại 3 lượng vàng 24k loại 9999 và trả luôn phần tiền nợ 76.100.000đ thì đồng ý hủy hợp đồng; còn không thì giữ y án sơ thẩm;

Đại diện theo ủy quyền bị đơn phát biểu ý kiến: Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng ngày 07/9/2018 giữa ông T với bà Th, ông G; bởi vì, lúc chuyển nhượng nguyên đơn trả 3 lượng vàng 24k loại 9999, thời điểm đó giá vàng khoảng 34.800.000đ, nên các bên thanh toán chưa đủ 2/3 giá trị, cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 129 Bộ luật dân sự 2015 là không đúng; đồng ý hoàn lại cho nguyên đơn 3 lượng vàng 24k loại 9999; chấp nhận giá trị quyền sử dụng đất hiện nay là 120.000.000đ/1000m², để xử lý hậu quả lỗi 1/2 mỗi bên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án và lời khai các đương sự thì thấy hợp đồng chuyển nhượng ngày 07/9/2018 giữa nguyên đơn với bị đơn; giấy chuyển nhượng viết tay giá trị chuyển nhượng 2.640m² đất ruộng giá 185.000.000đ; nguyên đơn trả được 3 lượng vàng 24k tính theo giá vàng tại thời điểm năm 2018 là khoảng 34.500.000đ là chưa đảm bảo 2/3 như cấp sơ thẩm nhận định; hợp đồng chưa đúng về nội dung lẫn hình thức, nên đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận kháng cáo của bị đơn sửa án sơ thẩm theo hướng vô hiệu đồng hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/9/2018; bị đơn hoàn trả lại 3 lượng vàng 24k loại 9999 cho nguyên đơn; nguyên đơn giao trả lại quyền sử dụng đất cho bị đơn quản lý sử dụng; các phần còn lại giữ y;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn ông G, bà Th nộp đơn kháng cáo, đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Các đương sự được triệu tập hợp lệ và có mặt, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 296 của Bộ Luật tố tụng Dân sự xét xử theo thủ tục chung.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn cùng chứng cứ, lời khai của các đương sự thì thấy, Giấy sang nhượng đất lập ngày 07/9/2018 giữa nguyên đơn ông Bùi Tấn T với bị đơn bà Bùi Thị Th (chị ruột ông T) và ông Nguyễn Tiến G, được viết bằng tay không có công chứng, chứng thực; hiện đất cũng chưa được sang tên chuyển nhượng từ bị đơn sang cho nguyên đơn; xét về nội dung, lẫn hình thức là vi phạm quy định của pháp luật, chưa có hiệu lực;

[3.1] Xét thấy đây là giao dịch bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực hoặc các bên thực hiện ít nhất 2/3 nghĩa vụ trong giao dịch; tại phiên tòa các bên thừa nhận nguyên đơn mới đưa cho bị đơn

3 lượng vàng 24k loại 999, tính tại thời điểm giao dịch năm 2018, thì 01 lượng vàng 24k loại 9999 có giá là 34.800.000đ; nên số tiền bị đơn nhận được là 104.400.000đ (34.800.000đ x 3 lượng vàng 24k), so với giá chuyển nhượng ghi trong hợp đồng 185.000.000đ chưa đảm bảo 2/3 giá trị; cấp sơ thẩm lấy giá vàng 53.000.000đ tại thời điểm xét xử để áp dụng khoản 1 Điều 129 Bộ luật dân sự 2015 là không đúng quy định pháp luật; căn cứ khoản 2 Điều 119; khoản 2 Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn tuyên bố **vô hiệu** hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 07/9/2018 giữa ông T với ông G, bà Th;

[3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn chấp nhận giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, với lỗi mỗi bên $\frac{1}{2}$ và đồng ý giá trị đất đang tranh chấp 120.000đ/1m²; theo biên bản định giá ngày 25/11/2020 thì giá trị đất tranh chấp diện tích 2.640m² có giá là 95.000.000đ; giấy sang nhượng trong hợp đồng ngày 7/9/2018 có giá 185.000.000đ; tại phiên tòa bị đơn đồng ý giá trị tranh chấp là 120.000đ/1m² để giải quyết hậu quả là có lợi cho nguyên đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; cụ thể được tính như sau: Diện tích 2.640m² x 120.000đ/1m² = 316.800.000đ; như vậy giá trị chênh lệch là: 131.800.000đ (316.800.000đ – 185.000.000đ); trong trường hợp này xác định lỗi mỗi bên là $\frac{1}{2}$ nên bị đơn có trách nhiệm hoàn trả tiền giá trị chênh lệch là 65.900.000đ;

[4] Từ phân tích trên, căn cứ Điều 131 Bộ luật dân sự buộc ông G, bà Th có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông T, bà Q 03 lượng vàng 24k loại 9999 và số tiền 65.900.000đ; ông T, bà Q có trách nhiệm giao trả lại diện tích đất 2.640m², thửa 152, bản đồ 44; đất tại xã PB, huyện PT; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02947 ngày 30/6/2014 do Ủy ban nhân dân huyện PT cấp cho ông G, bà Th được quản lý, sử dụng (Theo sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện PT lập ngày 14/12/2020);

[5] Chi phí tố tụng: Tổng cộng là 3.509.200đ, mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$; nên ông Nguyễn Tiến G, bà Bùi Thị Th phải hoàn trả lại cho ông T, bà Q số tiền 1.754.600đ

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tiến G và bà Bùi Thị Th phải chịu 11.245.000đ;

Ông T, bà Q phải chịu 300.000đ; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.000.000đ theo biên lai thu số 0001451, ngày 08/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT; như vậy, ông T, bà Q được nhận lại 5.700.000đ;

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Tiến G, bà Bùi Thị T không phải chịu, được nhận lại 300.000đ theo biên lai thu số 0002525 ngày 16/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT;

Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 2 điều 148; điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 119, khoản 2 Điều 129, khoản 2 Điều 131 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tiến G; bà Bùi Thị Th.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2021/DS-ST ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện PT.

[1] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tấn T, bà Huỳnh Thị Q đòi tiền vay 76.100.000đ đối với ông Nguyễn Tiến G, bà Bùi Thị Th.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tấn T, bà Huỳnh Thị Q đối với ông Nguyễn Tiến G và bà Bùi Thị Th về việc công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 07/9/2018.

[3] Tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/9/2018 giữa anh Bùi Tấn T và chị Huỳnh Thị Q với ông Nguyễn Tiến G và bà Bùi Thị Th, diện tích 2.640m², thửa số 152, tờ bản đồ số 44, theo giấy chứng nhận QSD đất số CH02947, cấp ngày 30/6/2014, đất tọa lạc xã PB, huyện PT, tỉnh An Giang, do ông G, bà Th đứng tên (Theo sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện PT lập ngày 14/12/2020)

Buộc ông Bùi Tấn T, bà Huỳnh Thị Q giao trả lại diện tích 2.640m², thửa số 152, tờ bản đồ số 44, theo giấy chứng nhận QSD đất số CH02947, cấp ngày 30/6/2014, đất tọa lạc xã PB, huyện PT, tỉnh An Giang, do ông G, bà Th đứng tên cho ông G, bà Th được quản lý, sử dụng (theo sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện PT lập ngày 14/12/2020)

[4] Buộc ông Nguyễn Tiến G, bà Bùi Thị Th có trách nhiệm trả cho ông Bùi Tấn T, bà Huỳnh Thị Q 03 lượng vàng 24k loại 9999 và 65.900.000đ (Sáu mươi lăm triệu chín trăm nghìn đồng)

[5] Duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2020/QĐ-BPKCTT, ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện PT đối với T sản của ông Nguyễn Tiến G và bà Bùi Thị Th đến khi thi hành án xong.

[6] Hoàn trả tiền thực hiện biện pháp bảo đảm cho anh Bùi Tấn T số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) theo biên lai thu ngày 08/9/2020 của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện PT, khi bản án có hiệu lực.

[7] Chi phí tố tụng: Tổng cộng là 3.509.200đ, mỗi bên chịu 1/2; nên ông Nguyễn Tiến G, bà Bùi Thị Th phải hoàn trả lại cho ông T, bà Q số tiền 1.754.600đ (Một triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm đồng)

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tiến G và bà Bùi Thị Th phải chịu 11.245.000đ (Mười một triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Ông T và bà Q phải chịu 300.000đ; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

6.000.000đ theo biên lai thu số 0001451, ngày 08/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT; như vậy, ông T, bà Q được nhận lại 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng);

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Tiến G, bà Bùi Thị Th không phải chịu, được nhận lại 300.000đ theo biên lai thu số 0002525 ngày 16/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện (1).
- Tòa Dân sự (2)
- Văn phòng.(1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Đường sự “ Để thi hành ”
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn